

Công ty Cổ Phần Chứng Khoán Đệ Nhất

Báo cáo tài chính

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán	5 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 - 11
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	12
Thuyết minh báo cáo tài chính	13 - 43

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy phép thành lập công ty số 249/GP-UB do Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương cấp vào ngày 18 tháng 10 năm 1999, sổ Đăng ký kinh doanh số 060250 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp vào ngày 28 tháng 12 năm 1999 và Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 04/GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp vào ngày 8 tháng 4 năm 2000.

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán và giao dịch ký quỹ chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính tại số 9 Hoàng Văn Thụ, Khu Đô thị Chánh Nghĩa, Thị xã Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương; một (1) chi nhánh tại số 521 Hồng Bàng, Phường 14, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh; một (1) chi nhánh tại tầng 3, số 81 - 83 phố Lò Đúc, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm đến thời điểm lập báo cáo tài chính như sau:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Văn Dành	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 8 năm 2014
Ông Trần Thiện Thể	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 8 năm 2012
Bà Chang Ya Wen	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 8 năm 2012
Ông Wu Jin Tang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 8 năm 2012
Ông Quảng Văn Viết Cường	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 8 năm 2014

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm đến thời điểm lập báo cáo tài chính như sau:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Huỳnh Vĩnh Thành	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 8 năm 2012
Bà Bùi Thị Hồng Tuyền	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 8 năm 2012
Ông Nguyễn Danh Tùng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 8 năm 2012

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán Trưởng trong năm đến thời điểm lập báo cáo tài chính như sau:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Trần Thiện Thể	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 8 năm 2012
Ông Nguyễn Quốc Bảo	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2010
Ông Huỳnh Vĩnh Thành	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2010
Bà Chung Kim Hoa	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2010
Bà Huỳnh Thị Mai	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2010
	Kế toán Trưởng	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 12 năm 1999

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo tài chính này là Ông Trần Thiện Thể, chức vụ Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính của Công ty phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:

Ông Trần Thiện Thế
Tổng Giám Đốc

Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Ngày 25 tháng 3 năm 2016



**Building a better
working world**

Ernst & Young Vietnam Limited
28th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 8 3824 5252
Fax: +84 8 3824 5250
ey.com

Số tham chiếu: 60859557/17859858

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất (“Công ty”), được lập ngày 25 tháng 3 năm 2016 và được trình bày từ trang 5 đến trang 43, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Building a better
working world

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Xuân Đại
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0452-2013-004-1

Võ Ngọc Minh
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2105-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 25 tháng 3 năm 2016

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

B01-CTCK

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		345.844.680.523	378.525.957.620
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	160.176.246.295	269.865.029.118
111	1. Tiền		69.076.246.295	112.808.779.118
112	2. Các khoản tương đương tiền		91.100.000.000	157.056.250.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		72.571.684.431	71.940.746.026
121	1. Đầu tư ngắn hạn	6.1	89.588.285.199	81.773.374.969
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	7	(17.016.600.768)	(9.832.628.943)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		112.304.216.600	35.773.884.182
131	1. Phải thu khách hàng	8.1	58.000.000	-
135	2. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	8.1	111.268.612.506	34.868.472.588
138	3. Các khoản phải thu khác	8.1	6.622.233.960	6.646.833.305
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	8.2	(5.644.629.866)	(5.741.421.711)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		792.533.197	946.298.294
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		765.433.197	934.798.294
158	2. Tài sản ngắn hạn khác		27.100.000	11.500.000
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		70.699.569.941	78.910.652.634
220	I. Tài sản cố định		9.977.489.121	10.126.968.400
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	8.705.006.195	9.383.067.745
222	- Nguyên giá		23.458.657.892	24.477.069.636
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(14.753.651.697)	(15.094.001.891)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	1.272.482.926	743.900.655
228	- Nguyên giá		8.787.545.031	7.963.645.031
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(7.515.062.105)	(7.219.744.376)
250	II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		52.332.478.998	61.468.073.978
253	1. Đầu tư chứng khoán dài hạn		15.000.000.000	15.000.000.000
255	- Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn	6.2	15.000.000.000	15.000.000.000
258	2. Đầu tư dài hạn khác	6.3	45.361.014.000	52.260.534.600
259	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	7	(8.028.535.002)	(5.792.460.622)
260	III. Tài sản dài hạn khác		8.389.601.822	7.315.610.256
263	1. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	11	7.947.097.262	6.873.105.696
268	2. Tài sản dài hạn khác		442.504.560	442.504.560
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		416.544.250.464	457.436.610.254

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

B01-CTCK

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		60.217.010.820	101.662.591.729
310	I. Nợ ngắn hạn		58.217.010.820	99.662.591.729
312	1. Phải trả người bán		459.732.200	433.884.000
313	2. Người mua trả tiền trước		110.468.000	-
314	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	312.690.813	1.551.319.665
315	4. Phải trả người lao động		445.255.000	416.485.000
320	5. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	13	48.362.830.883	90.823.164.659
321	6. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		45.816	45.816
322	7. Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán		489.720.206	212.122.776
323	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		2.321.565.810	3.176.598.624
328	9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	14	5.714.702.092	3.048.971.189
330	II. Nợ dài hạn		2.000.000.000	2.000.000.000
339	1. Dự phòng bồi thường thiệt hại nhà đầu tư		2.000.000.000	2.000.000.000
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		356.327.239.644	355.774.018.525
410	I. Vốn chủ sở hữu		356.327.239.644	355.774.018.525
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		300.000.000.000	300.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		924.317.200	924.317.200
417	3. Quỹ đầu tư phát triển		10.398.484.336	10.398.484.336
418	4. Quỹ dự phòng tài chính		9.550.228.802	9.550.228.802
420	5. Lợi nhuận chưa phân phối		35.454.209.306	34.900.988.187
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		416.544.250.464	457.436.610.254

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

B01-CTCK

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
005	1. Ngoại tệ các loại	30.741.930	30.741.930
006	2. Chứng khoán lưu ký	1.376.540.370.000	1.110.885.300.000
	<i>Trong đó:</i>		
007	2.1. Chứng khoán giao dịch	1.105.771.895.400	1.021.879.860.000
008	2.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	48.839.390.000	39.169.960.000
009	2.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	1.000.235.865.400	919.985.690.000
010	2.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	56.696.640.000	62.724.210.000
012	2.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	9.790.050.000	11.426.960.000
014	2.2.1. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	9.790.050.000	11.426.960.000
017	2.3. Chứng khoán cầm cố	17.669.000.000	43.464.170.000
019	2.3.1. Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	17.669.000.000	43.464.170.000
022	2.4. Chứng khoán tạm giữ	125.150.000	-
024	2.4.1. Chứng khoán tạm giữ của khách hàng trong nước	125.150.000	-
027	2.5. Chứng khoán chờ thanh toán	32.469.000.000	33.827.260.000
028	2.5.1. Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	352.000.000	280.900.000
029	2.5.2. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	31.471.700.000	31.223.360.000
030	2.5.3. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng nước ngoài	645.300.000	2.323.000.000
037	2.6. Chứng khoán chờ giao dịch	6.637.480.000	287.050.000
038	2.6.1. Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký	40.000	-
039	2.6.2. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	6.588.150.000	287.050.000
040	2.6.3. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng nước ngoài	49.290.000	-
042	2.7. Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay	204.077.794.600	-
044	2.7.1. Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của khách hàng trong nước	204.077.794.600	-

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

B01-CTCK

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
050	3. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	228.851.180.000	204.757.530.000
	<i>Trong đó:</i>		
051	3.1. Chứng khoán giao dịch	227.214.180.000	201.608.530.000
052	3.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	8.159.280.000	6.932.120.000
053	3.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	198.796.930.000	176.982.080.000
054	3.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	20.257.970.000	17.694.330.000
066	3.2. Chứng khoán tạm giữ	-	2.853.000.000
068	3.2.1. Chứng khoán tạm giữ của khách hàng trong nước	-	2.853.000.000
071	3.3. Chứng khoán chờ thanh toán	1.637.000.000	296.000.000
073	3.3.1. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	1.637.000.000	296.000.000

Người lập:

Người kiểm soát:

Người phê duyệt:



Huỳnh Thị Mai
Kế toán Trưởng



Bùi Thị Hồng Tuyền
Trưởng phòng Kiểm soát Nội bộ



Trần Thiện Thế
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Ngày 25 tháng 3 năm 2016

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

B02-CTCK

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu		46.560.293.769	58.107.728.384
	<i>Trong đó:</i>			
01.1	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		10.990.968.815	20.150.860.683
01.2	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn		18.655.868.239	18.048.097.588
01.4	Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán		56.361.311	1.331.250
01.5	Doanh thu hoạt động tư vấn		330.454.546	160.000.000
01.6	Doanh thu lưu ký chứng khoán		371.753.251	286.826.636
01.9	Doanh thu khác	16	16.154.887.607	19.460.612.227
10	2. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh		46.560.293.769	58.107.728.384
11	3. Chi phí hoạt động kinh doanh	17	(22.597.996.141)	(22.366.859.194)
20	4. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		23.962.297.628	35.740.869.190
25	5. Chi phí quản lý doanh nghiệp	18	(5.358.037.824)	(5.985.021.886)
30	6. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		18.604.259.804	29.755.847.304
31	7. Thu nhập khác		-	90.909.091
32	8. Chi phí khác		-	-
40	9. Lợi nhuận khác		-	90.909.091
50	10. Tổng lợi nhuận trước thuế		18.604.259.804	29.846.756.395
51	11. Thuế TNDN hiện hành	19.1	(2.232.448.099)	(4.871.720.743)
60	12. Lợi nhuận sau thuế TNDN		16.371.811.705	24.975.035.652
70	13. Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu	15	518	790

Người lập:

Người kiểm soát:

Người phê duyệt:

Huỳnh Thị Mai
Kế toán Trưởng

Bùi Thị Hồng Tuyền
Trưởng phòng Kiểm soát Nội bộ

Trần Thiện Thể
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Ngày 25 tháng 3 năm 2016

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

B03-CTCK

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		18.604.259.804	29.846.756.395
02	2. Điều chỉnh cho các khoản			
03	- Khấu hao TSCĐ	9, 10	973.379.279	1.371.247.633
05	- Các khoản dự phòng		9.323.254.360	5.996.269.793
	- Lãi từ hoạt động đầu tư		(17.251.660.410)	(18.038.710.496)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		11.649.233.033	19.175.563.325
09	- (Tăng)/giảm các khoản phải thu		(76.280.883.322)	56.427.537.738
10	- Tăng đầu tư ngắn hạn		(2.358.660.230)	(10.462.740.790)
11	- Giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(41.213.385.036)	(79.327.287.031)
12	- Giảm/(tăng) chi phí trả trước		169.365.097	(134.026.396)
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	19.1	(3.283.234.558)	(7.956.111.038)
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(632.321.431)	(572.054.759)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(111.949.886.447)	(22.849.118.951)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	10	(823.900.000)	(1.864.106.200)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	90.909.091
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	176.960.000
26	4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		9.081.420.600	-
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		14.459.833.024	18.117.619.322
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		22.717.353.624	16.521.382.213

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

B03-CTCK

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
36	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH 1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	20	(15.000.000.000)	(15.000.000.000)
40	Lưu chuyển tiền sử dụng vào hoạt động tài chính		(15.000.000.000)	(15.000.000.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(104.232.532.823)	(21.327.736.738)
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		264.408.779.118	285.736.515.856
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	4	160.176.246.295	264.408.779.118

Người lập:

Người kiểm soát:

Người phê duyệt:





Huỳnh Thị Mai
Kế toán Trưởng

Bùi Thị Hồng Tuyền
Trưởng phòng Kiểm soát Nội bộ

Trần Thiện Thể
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Ngày 25 tháng 3 năm 2016

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTCK

VND

CHỈ TIÊU	Số đầu năm		Số tăng (giảm)				Số cuối năm	
	Năm trước		Năm trước		Năm nay		Năm trước	
			Tăng	(Giảm)	Tăng	(Giảm)	Năm trước	Năm nay
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	300.000.000.000	300.000.000.000	-	-	-	-	300.000.000.000	300.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	924.317.200	924.317.200	-	-	-	-	924.317.200	924.317.200
3. Quỹ đầu tư phát triển	9.149.732.553	10.398.484.336	1.248.751.783	-	-	-	10.398.484.336	10.398.484.336
4. Quỹ dự phòng tài chính	8.865.053.214	9.550.228.802	1.248.751.783	(563.576.195)	-	-	9.550.228.802	9.550.228.802
5. Lợi nhuận chưa phân phối	13.672.207.883	34.900.988.187	24.975.035.652	(3.746.255.348)	16.371.811.705	(15.818.590.586)	34.900.988.187	35.454.209.306
Tổng cộng	332.611.310.850	355.774.018.525	27.472.539.218	(4.309.831.543)	16.371.811.705	(15.818.590.586)	355.774.018.525	356.327.239.644

Người lập:

Người kiểm soát:



Huỳnh Thị Mai
Kế toán Trưởng

Bùi Thị Hồng Tuyền
Trưởng phòng Kiểm soát Nội bộ

Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Ngày 25 tháng 3 năm 2016

Trần Thiện Thế
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy phép thành lập công ty số 249/GP-UB do Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương cấp vào ngày 18 tháng 10 năm 1999, và sổ Đăng ký kinh doanh số 060250 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp vào ngày 28 tháng 12 năm 1999, và Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 04/GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp vào ngày 8 tháng 4 năm 2000.

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán và giao dịch ký quỹ chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính tại số 9 Hoàng Văn Thụ, Khu đô thị Chánh Nghĩa, Thị xã Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương; một chi nhánh tại số 521 Hồng Bàng, Phường 14, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh; một chi nhánh tại tầng 3, số 81 - 83 phố Lò Đúc, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Tại thời điểm cuối năm, vốn điều lệ của Công ty là 300 tỷ đồng.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 là: 57 người (31 tháng 12 năm 2014: 55 người).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ Kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các chính sách kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và các thuyết minh báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính này theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 sửa đổi Thông tư số 95/2008/TT-BTC và Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành là các khoản mục không có số dư.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Chứng từ ghi sổ.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.3 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, ngoại trừ một số thay đổi như sau:

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng đối với tất cả các doanh nghiệp hoạt động trong tất cả các lĩnh vực kinh tế có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015. Những thay đổi quan trọng theo Thông tư 200 bao gồm:

► Thuyết minh về thanh lý tài sản cố định:

Thu nhập khác và chi phí khác từ thanh lý tài sản cố định được trình bày bằng số thuần trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

► Thuyết minh bổ sung yêu cầu cho việc trình bày các báo cáo tài chính:

- Đầu tư tài chính: thuyết minh chi tiết các khoản đầu tư chiếm tỷ trọng từ 10% trở lên trong tổng số dư đầu tư.
- Các khoản phải thu: thuyết minh chi tiết các khoản phải thu chiếm tỷ trọng từ 10% trở lên trong tổng số dư phải thu.
- Nợ khó đòi: thuyết minh chi tiết thời gian, số tiền quá hạn, phạt vi phạm hợp đồng, lãi phạt chậm nộp và khả năng thu hồi của những khoản nợ quá hạn, nợ chưa quá hạn nhưng không có khả năng thu hồi chiếm tỷ trọng từ 10% trở lên trong tổng số dư nợ khó đòi.
- Nợ được xóa sổ: thuyết minh chi tiết theo nguyên tệ và VND các khoản nợ đã được xóa sổ trong vòng 10 năm và lý do xóa sổ.
- Xây dựng cơ bản dở dang: thuyết minh chi tiết các khoản xây dựng cơ bản dở dang chiếm tỷ trọng từ 10% trở lên trong tổng số dư xây dựng cơ bản dở dang.
- Các khoản phải trả: thuyết minh chi tiết các khoản phải trả chiếm tỷ trọng từ 10% trở lên trong tổng số dư phải trả theo nhà cung cấp và lý do quá hạn của những khoản phải trả quá hạn.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp: thuyết minh các khoản chi phí chiếm tỷ trọng từ 10% trở lên trong tổng chi phí quản lý doanh nghiệp.

3.2 Quy định đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực

Ngày 30 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 210/2014/TT-BTC ("Thông tư 210") hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán phù hợp hơn với các Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế. Thông tư quy định các nội dung liên quan đến chứng từ kế toán, tài khoản kế toán và phương pháp kế toán, sổ kế toán, mẫu báo cáo tài chính, phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng đối với công ty chứng khoán. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 và thay thế Thông tư số 95/2008/TT-BTC ("Thông tư 95") ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 Các Chuẩn mực và quy định đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực (tiếp theo)

Những thay đổi quan trọng trong Thông tư 210 bao gồm:

- ▶ Thay đổi trong hình thức của các báo cáo tài chính. Báo cáo thu nhập toàn diện, báo cáo lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động môi giới và vốn ủy thác của nhà đầu tư được trình bày riêng như một phần của các báo cáo tài chính cơ bản.
- ▶ Tài sản tài chính được phân thành bốn (4) loại là tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ, tài sản tài chính sẵn sàng để bán, tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn và các khoản cho vay. Việc đo lường đối với mỗi loại tài sản tài chính như sau:
 - Tài sản tài chính thông qua lãi/lỗ được ghi nhận theo giá trị hợp lý;
 - Tài sản tài chính sẵn sàng để bán được ghi nhận theo giá trị hợp lý;
 - Tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá trị phân bổ theo phương pháp lãi suất hiệu dụng;
 - Các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ theo phương pháp lãi suất hiệu dụng. Các khoản cho vay được phân loại thành 5 nhóm nợ và trích lập dự phòng cụ thể theo tỷ lệ dự phòng quy định đối với từng nhóm. Các khoản cho vay cũng bị yêu cầu trích lập dự phòng chung là 0,75% tổng giá trị các khoản nợ được phân loại từ nhóm 1 đến nhóm 4.

Công ty đang đánh giá ảnh hưởng của quy định này và sẽ áp dụng khi có hiệu lực.

3.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào "*Chi phí quản lý doanh nghiệp*" trong năm.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên 6 tháng đến dưới một 1 năm	30%
Từ 1 năm đến dưới 2 năm	50%
Từ 2 năm đến dưới 3 năm	70%
Từ 3 năm trở lên	100%

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản cố định hữu hình vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định hữu hình. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ khỏi bảng cân đối kế toán và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản cố định vô hình vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định vô hình. Các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ khỏi bảng cân đối kế toán và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản cố định vô hình được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.7 Khấu hao

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	25 năm
Máy móc thiết bị	3 - 8 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3 - 10 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 năm
Phần mềm tin học	3 - 15 năm

3.8 Thuê tài sản

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm theo phương pháp đường thẳng dựa theo thời hạn của hợp đồng thuê.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước trên bảng cân đối kế toán được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.10 Đầu tư chứng khoán

Thông tư số 95/2008/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2008 cho phép các công ty chứng khoán thực hiện hạch toán kế toán các khoản đầu tư chứng khoán theo một trong hai nguyên tắc là giá gốc hoặc giá trị hợp lý. Theo đó, Công ty đã lựa chọn phương pháp giá gốc để ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Đầu tư chứng khoán (tiếp theo)

3.10.1 Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn

Đây là những chứng khoán có thời hạn thu hồi không quá một năm hoặc mua vào, bán ra chứng khoán để kiếm lời. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá thực tế mua chứng khoán (giá gốc), bao gồm: Giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng.

Lãi dự thu nhận được trong năm được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Các chứng khoán này được xem xét khả năng giảm giá tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Các chứng khoán đầu tư ngắn hạn được lập dự phòng khi giá trị ghi sổ lớn hơn giá trị thị trường. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên khoản mục "Chi phí hoạt động kinh doanh".

3.10.2 Các khoản đầu tư chứng khoán dài hạn

Các khoản đầu tư chứng khoán dài hạn bao gồm các chứng khoán đầu tư dài hạn với mục đích nắm giữ đến ngày đáo hạn và chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán.

Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn là các chứng khoán phi phái sinh được hưởng các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có thời gian đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Một loại chứng khoán đầu tư sẽ không được xếp vào nhóm nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu trong năm tài chính hiện hành hoặc trong hai năm tài chính gần nhất, được bán hoặc phân loại lại với một số lượng đáng kể các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn trước ngày đáo hạn, trừ khi việc bán và phân loại lại là:

- ▶ Rất gần với thời điểm đáo hạn;
- ▶ Công ty đã thu về phần lớn tiền vốn gốc của loại chứng khoán theo kế hoạch thanh toán hoặc được thanh toán trước hạn; hoặc
- ▶ Do một sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát của Công ty, sự kiện này mang tính đơn lẻ không lặp lại và không thể dự đoán trước được.

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán là các chứng khoán phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán mà không phải là các khoản đầu tư chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn hoặc là chứng khoán đầu tư ngắn hạn.

Các khoản đầu tư chứng khoán dài hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch liên quan trực tiếp đến việc mua. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu có bằng chứng khách quan cho thấy sự giảm giá trị chứng khoán.

3.10.3 Các khoản đầu tư chứng khoán dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác thể hiện các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác không vượt quá 20% quyền biểu quyết. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi có bằng chứng khách quan về việc giảm giá của khoản đầu tư.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán

3.11.1 Dự phòng giảm giá chứng khoán ngắn hạn và dài hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị thực tế trên thị trường thấp hơn giá trị sổ sách. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc kỳ kế toán tương ứng với chênh lệch giữa giá trị sổ sách và giá trị thực tế trên thị trường tại ngày có giao dịch gần nhất nhưng không quá một tháng tính đến ngày trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 146/2014/TT-BTC. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào “Chi phí hoạt động kinh doanh” trong năm.

Giá trị thị trường của chứng khoán vốn niêm yết được xác định trên cơ sở giá đóng cửa của Sở giao dịch Chứng Khoán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Đối với các chứng khoán vốn của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Đối với các chứng khoán vốn của các công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) thì giá trị thị trường được xác định là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của ba công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm trích lập dự phòng.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được phản ánh theo giá mua thực tế.

3.11.2 Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn khác

Dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư dài hạn được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng được thực hiện dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu (tương tự như dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh);
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng giảm giá được tính bằng tổng vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế (theo mệnh giá) trừ (-) vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ sở hữu của Công ty (theo mệnh giá) tại tổ chức kinh tế, ngoại trừ trường hợp lỗ được dự báo trước trong kế hoạch kinh doanh của các đơn vị trước khi đầu tư.

Dự phòng được hoàn nhập khi các giá trị có thể thu hồi của khoản đầu tư tăng trở lại sau khi lập dự phòng. Khoản dự phòng được ghi nhận hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.13 Lợi ích của nhân viên

3.13.1 Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Công ty sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 18,00% lương cơ bản hàng tháng của họ. Ngoài ra, Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Lợi ích của nhân viên (tiếp theo)

3.13.2 Trợ cấp thôi việc

Theo Bộ Luật Lao động, Công ty có nghĩa vụ chi trả trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương cộng với các trợ cấp khác (nếu có) cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 cho những nhân viên tự nguyện thôi việc. Tiền lương làm căn cứ tính trợ cấp thôi việc là tiền lương theo hợp đồng lao động, được tính bình quân của sáu tháng liền kề của người lao động trước khi thôi việc.

3.13.3 Bảo hiểm thất nghiệp

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1,00% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1,00% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng thương mại vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Thu nhập lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng mà không được ghi nhận là doanh thu.

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 *Phương pháp tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra*

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn đầu tư tự doanh.

3.17 *Thuế thu nhập doanh nghiệp*

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời vào ngày kết thúc niên độ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc niên độ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Dự phòng bồi thường thiệt hại nhà đầu tư

Dự phòng bồi thường thiệt hại nhà đầu tư được trích lập tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp, dùng để bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư trong trường hợp Công ty gây thiệt hại cho nhà đầu tư. Trong năm tài chính nếu không sử dụng hết số dự phòng đã trích lập thì được chuyển sang năm sau để sử dụng tiếp.

3.19 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư/cổ đông sau khi được các cấp có thẩm quyền/đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.20 Vốn

Vốn điều lệ

Vốn góp từ phát hành cổ phiếu được ghi vào tài khoản vốn điều lệ theo mệnh giá.

Thặng dư vốn cổ phần

Công ty phản ánh vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần phần chênh lệch tăng do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

3.21 Trích lập các quỹ

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm sau khi bù đắp lỗ năm trước theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 6 tháng 10 năm 2014 như sau:

	<u>Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế</u>	<u>Mức trích lập tối đa</u>
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	5%	10% vốn điều lệ

Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ sử dụng để bổ sung vốn điều lệ hàng năm của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính sử dụng để bù đắp phần còn lại của những tổn thất, thiệt hại về tài sản xảy ra trong quá trình kinh doanh sau khi được bù đắp bằng tiền bồi thường của tổ chức, cá nhân gây ra tổn thất, của tổ chức bảo hiểm.

Các quỹ khác được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.178.450.500	1.659.340.882
Tiền gửi ngân hàng	67.697.636.589	110.932.865.460
Trong đó:		
- Tiền ký quỹ của nhà đầu tư	28.718.723.019	90.244.565.617
Tiền gửi bán chứng khoán bảo lãnh phát hành	200.159.206	216.572.776
	69.076.246.295	112.808.779.118
Các khoản tương đương tiền	91.100.000.000	157.056.250.000
Tổng cộng	160.176.246.295	269.865.029.118

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN (tiếp theo)

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến 12 tháng với lãi suất được hưởng từ 4,0% - 5,0%/năm. Theo điều khoản hợp đồng, Công ty có thể rút các khoản tiền gửi trên trước hạn với lãi suất không kỳ hạn.

Cho mục đích lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ, tiền và các khoản tương đương bao gồm các khoản sau:

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
		VND
Tiền	69.076.246.295	112.808.779.118
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	91.100.000.000	151.600.000.000
Tổng cộng	160.176.246.295	264.408.779.118

5. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM

	<i>Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm Cổ phiếu</i>	<i>Giá trị giao dịch thực hiện trong năm VND</i>
Của Công ty		
Cổ phiếu	6.876.957	117.800.337.200
Của nhà đầu tư		
Cổ phiếu	384.156.284	5.711.623.655.000
Chứng chỉ quỹ	114.360	1.047.258.000
Tổng cộng	391.147.601	5.830.471.250.200

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

6. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Tình hình đầu tư tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

	Số lượng (đơn vị)	Giá trị theo sổ sách kế toán (VND)	So với giá thị trường		Tổng giá trị theo giá thị trường (VND)
			Tăng (VND)	Giảm (VND)	
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5.735.191	89.588.285.199	8.219.041.169	(17.016.600.768)	80.790.725.600
- Cổ phiếu niêm yết	4.919.139	78.185.458.349	8.218.611.769	(12.407.596.318)	73.996.473.800
- Cổ phiếu chưa niêm yết	816.052	11.402.826.850	429.400	(4.609.004.450)	6.794.251.800
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	3.768.556	60.361.014.000	-	(8.028.535.002)	52.332.478.998
- Đầu tư chứng khoán dài hạn					
Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn	30	15.000.000.000	-	-	15.000.000.000
- Đầu tư dài hạn khác	3.768.526	45.361.014.000	-	(8.028.535.002)	37.332.478.998
Tổng cộng	9.503.747	149.949.299.199	8.219.041.169	(25.045.135.770)	133.123.204.598

Giá trị tăng của các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn tại thời điểm cuối năm là 8.219.041.169 đồng không được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm do Công ty đã lựa chọn phương pháp giá gốc để ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

6. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6.1 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Chỉ tiêu	Số lượng (cổ phiếu)		Giá trị theo sổ kế toán (VND)		So với giá thị trường (VND)		Tổng giá trị theo giá thị trường (VND)	
	31/12/2015	31/12/2014	31/12/2015	31/12/2014	Tăng	Giảm	31/12/2015	31/12/2014
Cổ phiếu niêm yết	4.919.139	3.945.080	78.185.458.349	73.728.235.709	8.218.611.769	(12.407.596.318)	73.996.473.800	74.815.682.600
MCC	915.752	915.652	13.385.655.800	13.386.582.600	-	(1.664.030.200)	11.721.625.600	11.262.519.600
DPM	258.000	212.000	8.983.192.110	7.639.397.330	-	(1.475.392.110)	7.507.800.000	6.529.600.000
KSB	420.000	610.001	8.593.260.640	16.333.312.900	7.072.739.360	2.942.718.700	15.666.000.000	19.276.031.600
ACC	345.302	346.519	7.336.856.460	7.362.685.870	1.053.982.140	-	8.390.838.600	11.053.956.100
KLS	559.392	205.152	5.503.798.600	2.366.652.600	-	(1.811.811.400)	3.691.987.200	2.154.096.000
DRC	105.006	26.602	5.015.773.170	1.442.080.330	-	(437.511.570)	4.578.261.600	1.489.712.000
BCE	483.742	304.019	4.514.195.255	3.206.095.375	-	(1.031.252.855)	3.482.942.400	3.192.199.500
PET	247.009	104.008	4.350.850.180	2.316.795.200	-	(1.065.630.480)	3.285.219.700	2.152.965.600
HAG	170.021	114.004	3.631.953.600	2.779.922.670	-	(1.863.735.200)	1.768.218.400	2.519.488.400
HAR	458.218	92.000	3.543.213.930	1.031.061.000	-	(1.527.054.730)	2.016.159.200	874.000.000
REE	120.024	87.510	3.275.568.330	2.502.488.790	-	(250.963.530)	3.024.604.800	2.467.782.000
ITA	270.010	115.012	1.852.878.680	985.202.480	-	(340.822.680)	1.512.056.000	920.096.000
TDC	199.640	83.000	1.799.230.280	885.326.280	-	(401.750.280)	1.397.480.000	879.800.000
BID	80.008	436.100	1.797.093.210	7.074.289.000	-	(5.526.280)	1.648.164.800	5.538.470.000
VCB	36.507	52.007	1.650.931.120	1.428.073.010	-	(148.928.410)	1.602.657.300	1.659.023.300
PVT	110.008	35.008	1.322.567.360	541.631.480	-	(48.273.820)	1.122.081.600	490.112.000
DCM	80.000	-	1.002.250.000	-	29.750.000	(200.485.760)	1.032.000.000	-
JVC	50.000	23.000	386.840.000	377.000.000	-	(121.840.000)	265.000.000	384.100.000
Cổ phiếu niêm yết khác	10.500	183.486	239.349.624	2.069.638.794	62.140.269	(18.113.293)	283.376.600	1.971.730.500
Cổ phiếu chưa niêm yết	816.052	693.218	11.402.826.850	8.045.139.260	429.400	(4.609.004.450)	6.794.251.800	4.105.484.100
Công ty Cổ phần Dược và Vật tư Y tế Bình Dương (BCP)	375.400	-	5.567.300.600	-	-	(1.888.380.600)	3.678.920.000	-
Công ty CP Khoáng sản Becamex (BMJ)	342.513	334.213	3.930.939.100	3.855.479.200	-	(848.322.100)	3.082.617.000	2.105.541.900
Công ty CP Nước giải khát Sài Gòn	50.308	50.308	972.722.380	972.722.380	-	(972.722.380)	-	-
Công ty CP Bông Bạch Tuyết	41.400	41.400	888.030.160	888.030.160	-	(888.030.160)	-	-
Cổ phiếu chưa niêm yết khác	6.431	267.297	43.834.610	2.328.907.520	429.400	(11.549.210)	32.714.800	1.999.942.200
Tổng cộng	5.735.191	4.638.298	89.588.285.199	81.773.374.969	8.219.041.169	(17.016.600.768)	80.790.725.600	78.921.166.700



Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

6. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6.2 Đầu tư chứng khoán dài hạn

Chỉ tiêu	Số lượng (trái phiếu)		Giá trị theo sổ kế toán (VND)	
	31/12/2015	31/12/2014	31/12/2015	31/12/2014
Chứng khoán nắm giữ tới ngày đáo hạn				
Công ty Cổ phần Xây dựng và Dịch vụ Công cộng Bình Dương	30	30	15.000.000.000	15.000.000.000

Trái phiếu có kỳ hạn 5 năm kể từ ngày 1 tháng 10 năm 2013, áp dụng lãi suất thả nổi, lãi trả định kỳ 6 tháng và gốc trả vào ngày đáo hạn, lãi suất hiện tại là 8%/năm.

6.3 Đầu tư dài hạn khác

Chỉ tiêu	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán (VND)	Dự phòng (VND)	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán (VND)	Dự phòng (VND)
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hùng Vương	1.380.000	13.800.000.000	-	1.380.000	13.800.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Bất Động Sản Bình Dương (Becamex)	1.049.857	11.441.814.000	-	1.049.857	11.441.814.000	-
Công ty Cổ phần Bột mì Bình An	533.333	7.920.000.000	7.920.000.000	533.333	7.920.000.000	5.792.460.622
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Chánh Phú Hòa	213.465	4.520.000.000	-	213.465	4.520.000.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông Thủy lợi Bình Dương	236.470	3.273.100.000	-	181.900	3.273.100.000	-
Tổng Công ty Điện tử và Tin học Việt Nam	200.000	2.100.000.000	-	200.000	2.100.000.000	-
Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hòa	10.000	1.160.000.000	108.535.002	10.000	1.160.000.000	-
Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Thanh Lễ	85.400	862.540.000	-	85.400	862.540.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và Dịch vụ Công cộng Bình Dương	60.001	283.560.000	-	360.001	1.701.660.000	-
Công ty Cổ phần Dược và Vật tư Y tế Bình Dương	-	-	-	367.000	5.481.420.600	-
Tổng cộng	3.768.526	45.361.014.000	8.028.535.002	4.380.956	52.260.534.600	5.792.460.622

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

7. DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	<i>Số cuối năm</i>	<i>VND Số đầu năm</i>
Đầu tư ngắn hạn	17.016.600.768	9.832.628.943
Trong đó:		
- Cổ phiếu niêm yết	12.407.596.318	5.892.770.883
- Cổ phiếu chưa niêm yết	4.609.004.450	3.939.858.060
Đầu tư dài hạn khác	8.028.535.002	5.792.460.622
Tổng cộng	25.045.135.770	15.625.089.565

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn trong năm như sau:

	<i>Năm nay</i>	<i>VND Năm trước</i>
Số đầu năm	15.625.089.565	9.773.826.765
Trích lập dự phòng trong năm (Thuyết minh số 17)	9.420.046.205	5.851.262.800
Số cuối năm	25.045.135.770	15.625.089.565

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

8.1 Các khoản phải thu ngắn hạn

Chỉ tiêu	Số đầu năm			Số phát sinh trong năm			Số cuối năm			VND
	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	Tăng	Giảm	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	Số dự phòng	
1. Phải thu khách hàng	-	-	-	3.943.000.000	(3.885.000.000)	58.000.000	-	-	-	-
2. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	34.868.472.588	-	-	1.494.474.733.846	(1.418.074.593.928)	111.268.612.506	-	-	-	-
- Đặt cọc đầu giá mua chứng khoán tự doanh	2.813.894.375	-	-	35.715.757.442	(38.255.651.817)	274.000.000	-	-	-	-
- Phải thu dịch vụ ứng trước cho nhà đầu tư	32.054.578.213	-	-	1.218.955.134.637	(1.216.725.452.070)	34.284.260.780	-	-	-	-
- Phải thu khách hàng về nghiệp vụ giao dịch ký quỹ	-	-	-	239.803.841.767	(163.093.490.041)	76.710.351.726	-	-	-	-
3. Các khoản phải thu khác	6.646.833.305	5.741.421.711	-	11.088.127.009	(11.112.726.354)	6.622.233.960	5.644.629.866	-	5.644.629.866	-
- Phải thu nhân viên	4.687.583.411	4.687.583.411	-	-	(81.975.000)	4.605.608.411	4.605.608.411	-	4.605.608.411	-
- Dự thu lãi tiền gửi ngân hàng và lãi trái phiếu	771.735.971	-	-	1.538.398.777	(1.370.141.526)	939.993.222	-	-	-	-
- Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1.187.513.923	1.053.838.300	-	9.549.728.232	(9.660.609.828)	1.076.632.327	1.039.021.455	-	1.039.021.455	-
Tổng cộng	41.515.305.893	5.741.421.711	-	1.509.505.860.855	(1.433.072.320.282)	117.948.846.466	5.644.629.866	-	5.644.629.866	

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN (tiếp theo)

8.1 Các khoản phải thu ngắn hạn (tiếp theo)

Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng 100% cho các khoản nợ quá hạn của các cá nhân sau:

Tên đối tượng	Thời gian quá hạn	Số đầu năm		Số cuối năm	
		Nợ gốc	Giá trị có thể thu hồi	Nợ gốc	Giá trị có thể thu hồi
Đoàn Thị Thanh Thủy	Trên 5 năm	4.687.583.411	-	4.605.608.411	-
Trương Tuấn Dân	Trên 5 năm	684.803.686	-	672.633.136	-
Khác	Trên 5 năm	369.034.614	-	366.388.319	-
Tổng cộng		5.741.421.711	-	5.644.629.866	-

8.2 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	5.741.421.711	5.596.414.718
(Hoàn nhập)/trích lập trong năm	(96.791.845)	145.006.993
Số cuối năm	5.644.629.866	5.741.421.711

Công ty Cổ phần Chứng khoán Độ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Biến động của tài sản cố định hữu hình trong năm như sau:

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	VND Tổng cộng
Số đầu năm	12.133.175.000	8.151.329.414	3.496.707.425	695.857.797	24.477.069.636
Xóa sổ trong năm	-	785.795.015	232.616.729	-	1.018.411.744
Số cuối năm	12.133.175.000	7.365.534.399	3.264.090.696	695.857.797	23.458.657.892
Trong đó:					
- Đã khấu hao hết	80.867.834	8.035.592.789	1.952.188.210	695.857.797	10.764.506.630
Hao mòn lũy kế					
Số đầu năm	4.043.391.699	8.064.239.686	2.290.512.709	695.857.797	15.094.001.891
Khấu hao tăng trong năm	485.207.004	38.402.630	154.451.916	-	678.061.550
Xóa sổ trong năm	-	785.795.015	232.616.729	-	1.018.411.744
Số cuối năm	4.528.598.703	7.316.847.301	2.212.347.896	695.857.797	14.753.651.697
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	8.089.783.301	87.089.728	1.206.194.716	-	9.383.067.745
Số cuối năm	7.604.576.297	48.687.098	1.051.742.800	-	8.705.006.195

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Biến động của tài sản cố định vô hình trong năm như sau:

	VND
	<i>Phần mềm tin học</i>
Nguyên giá	
Số đầu năm	7.963.645.031
Mua mới	823.900.000
Số cuối năm	8.787.545.031
<i>Trong đó:</i>	
- Đã khấu hao hết	7.086.159.031
Hao mòn lũy kế	
Số đầu năm	7.219.744.376
Hao mòn trong năm	295.317.729
Số cuối năm	7.515.062.105
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	743.900.655
Số cuối năm	1.272.482.926

11. TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán.

Theo Quyết định số 45/QĐ-VSD ngày 22 tháng 5 năm 2014 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu và hàng năm phải đóng thêm 0,01% tổng giá trị chứng khoán môi giới của năm trước nhưng không quá 2,5 tỷ đồng/năm với giới hạn tối đa về mức đóng góp là 20 tỷ đồng.

Biến động tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán trong năm như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	6.928.724.303	6.296.402.872
Lãi nhận được	898.372.959	456.702.824
	7.947.097.262	6.873.105.696

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Phát sinh trong năm		Số cuối năm
		Số phải nộp	Số đã nộp	
Thuế TNDN (Thuyết minh số 19.1)	1.077.034.033	2.232.448.099	(3.283.234.558)	26.247.574
Thuế TNCN của nhà đầu tư và nhân viên	405.932.817	3.079.495.178	(3.285.757.711)	199.670.284
Thuế giá trị gia tăng	68.352.815	885.593.420	(867.173.280)	86.772.955
	1.551.319.665	6.197.536.697	(7.436.165.549)	312.690.813

13. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán	47.287.435.456	87.827.267.459
Phải trả Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam	1.075.395.427	2.995.897.200
	48.362.830.883	90.823.164.659

14. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả hộ cổ tức	5.382.869.996	2.219.807.056
Kinh phí công đoàn	132.300.326	148.145.223
Phải trả phải nộp khác	199.531.770	681.018.910
Tổng cộng	5.714.702.092	3.048.971.189

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

15. LÃI CƠ BẢN TRÊN MỖI CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia phần còn lại sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi của lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu.

	Năm nay	VND Năm trước (Trình bày lại)
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	16.371.811.705	24.975.035.652
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	(818.590.586)	(1.261.124.876)
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	15.553.221.119	23.713.910.776
	30.000.000	30.000.000
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu	518	790

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2014 đã được điều chỉnh lại để phản ánh ảnh hưởng của khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm 2014 theo quy định Thông tư số 200/2014/TT-BTC có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2015 được điều chỉnh giảm cho khoản dự tính trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của năm 2015.

16. DOANH THU KHÁC

	Năm nay	VND Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	5.958.365.451	9.442.170.260
Giao dịch ký quỹ	4.637.042.565	-
Phí thu từ hoạt động ứng trước cho nhà đầu tư	4.695.520.727	6.947.112.110
Doanh thu khác	863.958.864	3.071.329.857
Tổng cộng	16.154.887.607	19.460.612.227

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

17. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	4.426.513.212	4.402.192.319
Chi phí bằng tiền	3.842.035.252	3.211.422.826
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	1.738.728.571	3.052.644.646
Chi phí hoạt động lưu ký	813.409.032	813.252.351
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán	593.491.490	2.332.997.670
Chi phí khấu hao tài sản cố định	327.775.797	798.074.530
Chi phí khác	1.435.996.582	1.905.012.052
	13.177.949.936	16.515.596.394
Trích lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (Thuyết minh số 7)	9.420.046.205	5.851.262.800
Tổng cộng	22.597.996.141	22.366.859.194

18. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	2.618.412.558	2.557.551.449
Chi phí dịch vụ mua ngoài	655.541.207	598.837.732
Chi phí khấu hao tài sản cố định	645.603.482	573.173.103
Chi phí khác	1.438.480.577	2.255.459.602
Tổng cộng	5.358.037.824	5.985.021.886

19. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

19.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế Thu nhập Doanh nghiệp ("TNDN") với mức thuế suất là 22% lợi nhuận tính thuế trong năm.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được ước tính dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm trước và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

19. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

19.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (tiếp theo)

Dự phòng thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	Năm nay	VND Năm trước
Lợi nhuận thuần trước thuế	18.604.259.804	29.846.756.395
<i>Cộng:</i>		
- Chi phí không được khấu trừ	1.409.743.888	2.461.672.244
<i>Trừ:</i>		
- Thu nhập từ cổ tức không chịu thuế	(7.744.145.824)	(8.552.671.145)
- Thu nhập không chịu thuế khác	(2.122.366.510)	(1.611.572.300)
Thu nhập chịu thuế ước tính	10.147.491.358	22.144.185.194
Thuế TNDN ước tính	2.232.448.099	4.871.720.743
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	1.077.034.033	4.161.424.328
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(3.283.234.558)	(7.956.111.038)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	26.247.574	1.077.034.033

19.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Không có khoản thuế thu nhập hoãn lại nào được ghi nhận tại thời điểm cuối năm do không có khoản mục chênh lệch tạm thời trọng yếu nào giữa giá trị ghi sổ và giá trị cơ sở tính thuế của tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính.

20. CỔ TỨC PHẢI TRẢ

	Năm nay	VND Năm trước
Số đầu năm	-	15.000.000.000
Phát sinh trong năm	15.000.000.000	-
Đã trả trong năm	(15.000.000.000)	(15.000.000.000)
Số cuối năm	-	-

Trong năm, Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức đợt 1 năm 2014 theo danh sách cổ đông chốt ngày 31/12/2014 với tỷ lệ 5% theo Quyết định số 02/2015/HĐQT ngày 12 tháng 2 năm 2015.

21. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Ban Tổng Giám đốc Công ty xem xét, đánh giá và quyết định không lập báo cáo bộ phận và trình bày thông tin này do hoạt động kinh doanh chính của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán và giao dịch kỳ quỹ chứng khoán. Kết quả hoạt động được trình bày trong phần doanh thu và chi phí hoạt động kinh doanh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Về mặt địa lý thì Công ty chỉ hoạt động trong lãnh thổ Việt Nam.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

22. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
			<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty CP Bê tông Becamex (ACC)	Bên liên quan	Mua chứng khoán	93.150	151.200
		Bán chứng khoán	25.922.560	987.798.030
		Cổ tức nhận được	866.305.000	1.062.009.000
		Phí tư vấn	40.000.000	20.000.000
Công ty CP Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật (IJC)	Bên liên quan	Mua chứng khoán	-	146.566.600
		Bán chứng khoán	-	146.490.000
		Cổ tức nhận được	8.000	3.000
		Phí tư vấn	30.000.000	40.000.000
Công ty CP Phát triển Đô thị - Becamex (UDJ)	Bên liên quan	Mua chứng khoán	4.154.950.000	582.000
		Bán chứng khoán	6.442.322.900	279.526.800
		Cổ tức nhận được	-	293.106.000
		Phí tư vấn	20.000.000	20.000.000
Công ty CP Khoáng sản Becamex (BMJ)	Bên liên quan	Mua chứng khoán	108.870.000	219.030.000
		Bán chứng khoán	33.410.100	165.553.100
		Cổ tức nhận được	273.210.400	159.556.500
		Phí tư vấn	15.000.000	20.000.000
Công ty CP Kinh doanh & Phát triển Bình Dương (TDC)	Bên liên quan	Mua chứng khoán	1.293.420.000	3.373.922.000
		Bán chứng khoán	379.516.000	2.488.595.720
		Cổ tức nhận được	125.000.000	119.000.000
Thành viên quản lý chủ chốt		Thu nhập	2.125.512.010	2.142.324.859

Các khoản phải trả với các bên liên quan tại thời điểm cuối năm như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
			<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Công ty CP Bê tông Becamex (ACC)	Bên liên quan	Cổ tức trả hộ	9.134.550	9.134.550
Công ty CP Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật (IJC)	Bên liên quan	Cổ tức trả hộ	374.622.145	374.722.145
Công ty CP Phát triển Đô thị - Becamex (UDJ)	Bên liên quan	Cổ tức trả hộ	61.950.000	61.950.000

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

23. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang ký kết hợp đồng thuê hoạt động của văn phòng chi nhánh Hà Nội tại số 81 - 83 phố Lò Đúc, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội và hợp đồng thuê hoạt động của văn phòng trụ sở chính tại số 9 Hoàng Văn Thụ, Khu Đô thị Chánh Nghĩa, Thị xã Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.

Tại thời điểm cuối năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	1.174.773.408	1.174.773.408
Trên 1 đến 5 năm	1.662.160.112	2.836.933.520
Tổng cộng	2.836.933.520	4.011.706.928

24. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Công ty thực hiện khung quản lý rủi ro toàn diện như sau:

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản phải thu và phải trả, tiền gửi, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn, và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 vì đa phần các khoản tiền gửi ngân hàng trong năm có lãi suất cố định.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính biến động do thay đổi tỷ giá ngoại tệ hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty (khi doanh thu và chi phí được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền kế toán hạch toán của Công ty).

Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái của Công ty là không đáng kể do phần lớn các tài sản và nợ phải trả của Công ty bằng VND.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

24. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro thị trường (tiếp theo)

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Tại ngày lập báo cáo tài chính, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của Công ty là 73.996.473.800 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 74.815.682.600 đồng).

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng do khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu từ nghiệp vụ tài trợ giao dịch chứng khoán) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và thành lập một bộ phận kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Theo quan điểm đã nói ở trên và thực tế rằng các khoản phải thu khách hàng của Công ty dành cho một số lượng lớn khách hàng đa dạng, do đó không có rủi ro tập trung về tín dụng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng từ số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận kế toán của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong *Thuyết minh số 4*. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc Công ty cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

24. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

	VND
	Bất cứ thời điểm nào
Số cuối năm	
Phải trả người bán	459.732.200
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	48.362.830.883
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	45.816
Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	489.720.206
Nợ phải trả tài chính khác	5.582.401.766
	54.894.730.871
Số đầu năm	
Phải trả người bán	433.884.000
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	90.823.164.659
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	45.816
Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	212.122.776
Nợ phải trả tài chính khác	305.018.910
	91.774.236.161

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

Tài sản đảm bảo

Công ty không cầm cố, thế chấp dưới dạng hình thức nào cho các khoản nợ vào ngày lập báo cáo này.

25. THUYẾT MINH BỔ SUNG THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210") có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2011. Thông tư 210 đã đưa ra các định nghĩa về công cụ tài chính, bao gồm tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, công cụ tài chính phái sinh và công cụ vốn chủ sở hữu cũng như quy định cách thức phân loại, trình bày và thuyết minh các loại công cụ này.

Do Thông tư 210 chỉ quy định việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính, các khái niệm dưới đây theo Thông tư 210 chỉ áp dụng đối với việc lập thuyết minh này. Các khoản mục tài sản và nợ phải trả của Công ty vẫn được ghi nhận và hạch toán theo các quy định hiện hành của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của công ty chứng khoán.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

25. THUYẾT MINH BỔ SUNG THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tài sản tài chính

Các tài sản tài chính của Công ty theo phạm vi của Thông tư 210 bao gồm tiền mặt, tiền gửi tại ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán và các khoản phải thu khác.

Theo Thông tư 210, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, thành một trong các loại sau:

- *Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:*

Là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- a) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:

- ✓ Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn.
- ✓ Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
- ✓ Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

- b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

- *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:*

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- a) Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
- b) Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán.
- c) Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

- *Các khoản cho vay và phải thu:*

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- a) Các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
- b) Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- c) Các khoản mà Công ty nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

25. THUYẾT MINH BỔ SUNG THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tài sản tài chính (tiếp theo)

▪ Tài sản sẵn sàng để bán:

Là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- Các khoản cho vay và các khoản phải thu.
- Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn.
- Các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty theo phạm vi của Thông tư 210 bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, các khoản phải trả hộ cổ tức, các khoản phải trả tổ chức phát hành chứng khoán và các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác.

Theo Thông tư 210, nợ phải trả tài chính, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành:

▪ Các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn.
 - Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

▪ Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại vào nhóm được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại vào nhóm các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Bù trừ các tài sản và nợ phải trả tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

Xác định giá trị hợp lý của công cụ tài chính

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

25. THUYẾT MINH BỔ SUNG THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính (tiếp theo)

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý:

- ▶ Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- ▶ Giá trị hợp lý của các khoản phải thu được Công ty đánh giá dựa trên các thông tin như tình hình thị trường và khả năng trả nợ vay của từng khách hàng. Trên cơ sở đánh giá này, Công ty ước tính dự phòng cho phần không thu hồi được theo dự tính của các khoản phải thu này. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, giá trị ghi sổ của các khoản phải thu sau khi trừ đi dự phòng không khác biệt đáng kể với giá trị hợp lý.
- ▶ Giá trị hợp lý của các trái phiếu niêm yết được xác định dựa trên giá công bố tại ngày lập báo cáo. Giá trị hợp lý của công cụ chưa được niêm yết và các nợ phải trả tài chính khác được ước tính bằng cách tham khảo các nguồn thông tin uy tín và đáng tin cậy trên thị trường.
- ▶ Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được xác định dựa trên giá công bố, nếu có, trên các thị trường có giao dịch.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

25. THUYẾT MINH BỔ SUNG THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Bảng dưới đây trình bày so sánh giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty:

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý		VND
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	
Tài sản tài chính					
Các khoản đầu tư được xếp vào tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh					
- Cổ phiếu niêm yết	65.777.862.031	67.835.464.826	73.996.473.800	74.815.682.600	
- Cổ phiếu chưa niêm yết	6.793.822.400	4.105.281.200	6.794.251.800	4.105.484.100	
Các khoản đầu tư dài hạn khác					
- Chứng khoán chưa niêm yết	37.332.478.998	46.468.073.978	(*)	(*)	
Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn	15.000.000.000	15.000.000.000	(*)	(*)	
Phải thu khách hàng	58.000.000	-	58.000.000	-	
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	111.268.612.506	34.868.472.588	111.268.612.506	34.868.472.588	
Các khoản phải thu khác	977.604.094	905.411.594	(*)	(*)	
Tiền và các khoản tương đương tiền	160.176.246.295	269.865.029.118	160.176.246.295	269.865.029.118	
Tổng cộng	397.384.626.324	439.047.733.304			
Nợ phải trả tài chính					
Phải trả người bán	459.732.200	433.884.000	459.732.200	433.884.000	
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	48.362.830.883	90.823.164.659	48.362.830.883	90.823.164.659	
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	45.816	45.816	45.816	45.816	
Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	489.720.206	212.122.776	489.720.206	212.122.776	
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	5.582.401.766	305.018.910	5.582.401.766	305.018.910	
Tổng cộng	54.894.730.871	91.774.236.161	54.894.730.871	91.774.236.161	

(*) Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ tài chính này không thể xác định do các Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc tính toán.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

26. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính.

Người lập:

Người kiểm soát:

Người phê duyệt:



Huỳnh Thị Mai
Kế toán Trưởng

Bùi Thị Hồng Tuyền
Trưởng phòng Kiểm soát Nội bộ

Trần Thiện Thế
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Ngày 25 tháng 3 năm 2016